

Ngày thi:

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
				10%				30%	60%	100%		
1	1712719925	Vũ Thị Ngọc Anh	N17DLK1	3	8			8.0	6	6.3	Sáu phẩy Ba	
2	1712719926	Thái Trịnh Minh Châu	N17DLK1	7	8			8.0	6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
3	1713719929	Nguyễn Trọng Cường	N17DLK1	1	10			10.0	10	9.1	Chín phẩy Một	
4	1712719931	Nguyễn Thị Điểm	N17DLK1	10	7			7.0	6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
5	1712719933	Phan Thùy Dung	N17DLK1	10	10			10.0	6	7.6	Bảy phẩy Sáu	
6	1712719935	Nguyễn Ngọc Hân	N17DLK1	7	8			8.0	10	9.1	Chín phẩy Một	
7	1712719936	Nguyễn Thị Ngọc Hân	N17DLK2	10	6			6.0	8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
8	1712719937	Nguyễn Thị Diệu Hiền	N17DLK1	7	7			7.0	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
9	1712719939	Lê Thị Hoa	N17DLK2	7	10			10.0	6	7.3	Bảy phẩy Ba	
10	1712719943	Võ Thị Huệ	N17DLK2	7	7			7.0	8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
11	1713719945	Đỗ Trọng Anh Khoa	N17DLK2	10	8			8.0	6	7.0	Bảy	
12	1713719946	Phan Xuân Lâm	N17DLK1	1	8			8.0	8	7.3	Bảy phẩy Ba	
13	1713719949	Trần Bình Long	N17DLK1	7	8			8.0	6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
14	1713719950	Lê Thành Luân	N17DLK1	1	8			8.0	10	8.5	Tám phẩy Năm	
15	1712719953	Đào Thị Diễm My	N17DLK1	7	6			6.0	6	6.1	Sáu phẩy Một	
16	1713719954	Nguyễn Đức Nam	N17DLK2	10	9			9.0	6	7.3	Bảy phẩy Ba	
17	1713719955	Lê Trung Nghĩa	N17DLK2	1	8			8.0	8	7.3	Bảy phẩy Ba	
18	1712719956	Nguyễn Nhi Trâm Nhân	N17DLK1	1	8			8.0	8	7.3	Bảy phẩy Ba	
19	1713719957	Đặng Nguyễn Minh Nhật	N17DLK1	3	8			8.0	6	6.3	Sáu phẩy Ba	
20	1712719959	Trần Lan Nhi	N17DLK2	10	6			6.0	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
21	1713719960	Nguyễn Hoàng Phú	N17DLK2	10	7			7.0	8	7.9	Bảy phẩy Chín	
22	1713719963	Nguyễn Hòa Phước	N17DLK2	10	9			9.0	8	8.5	Tám phẩy Năm	
23	1713719964	Trần Hoàng Phương	N17DLK1	1	10			10.0	6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
24	1713719967	Võ Hồng Quang	N17DLK1	1	7			7.0	8	7.0	Bảy	
25	1713719966	Trương Hồng Quang	N17DLK2	10	9			9.0	6	7.3	Bảy phẩy Ba	
26	1713719970	Lê Quang Tâm	N17DLK1	7	8			8.0	8	7.9	Bảy phẩy Chín	
27	1713719971	Tạ Tấn Thành	N17DLK2	3	8			8.0	6	6.3	Sáu phẩy Ba	
28	1712719973	Văn Thị Bích Thảo	N17DLK1	10	10			10.0	6	7.6	Bảy phẩy Sáu	
29	1712719975	Đặng Thị Hồng Thị	N17DLK2	10	8			8.0	6	7.0	Bảy	
30	1713719976	Hồ Vũ Quốc Thịnh	N17DLK1	7	7			7.0	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
31	1712719978	Mai Phương Thúy	N17DLK1	8	8			8.0	6	6.8	Sáu phẩy Tám	
32	1712719980	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	N17DLK1	7	7			7.0	8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
33	1713719981	Nguyễn Trương Anh Tiến	N17DLK2	3	8			8.0	8	7.5	Bảy phẩy Năm	
34	1712719983	Phạm Thị Huyền Trân	N17DLK2	7	7			7.0	8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
35	1712719984	Chung Nguyệt Trình	N17DLK1	1	7			7.0	10	8.2	Tám phẩy Hai	
36	1713719986	Nguyễn Cao Trung	N17DLK2	3	7			7.0	6	6.0	Sáu	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
37	1713719988	Lê Nam Ty	N17DLK2	3	6				6.0	8	6.9	Sáu phẩy Chín	
38	1712719989	Huỳnh Thị Phuong Uyên	N17DLK1	10	7				7.0	8	7.9	Bảy phẩy Chín	
39	1713719990	Bùi Xuân Uyn	N17DLK2	7	7				7.0	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
40	1712719992	Trần Thị Vân	N17DLK2	7	10				10.0	6	7.3	Bảy phẩy Ba	
41	1713719993	Thân Hoàng Viễn	N17DLK2	3	8				8.0	8	7.5	Bảy phẩy Năm	
42	1713719994	Phạm Hoàng Vũ	N17DLK2	7	7				7.0	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
43	1713719999	Nguyễn Quang Vỹ	N17DLK1	7	5				5.0	8	7.0	Bảy	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt:	43	100%	
2	Số sinh viên nợ:	0	0%	
TỔNG CỘNG :		43	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TT GDTC&QP
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 08 năm 2013
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phụng

ThS. Nguyễn Hữu Phú